

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 246/2018/DS-PT
Ngày 11/10/2018
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tăng

Các Thẩm phán: Ông Trần Phước Hội

Ông Sỹ Danh Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tài - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 177/2018/TLPT-DS ngày 06 tháng 9 năm 2018 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2018/DS-ST ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố CL bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 274/2018/QĐ-PT ngày 13 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Duy M, sinh năm: 1966;

Địa chỉ: Số 14, đường NQD, phường 1, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở hiện nay: Số 243, quốc lộ 30, ấp AĐ, xã AB, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông M; Luật sư Nguyễn Hoàng G-Văn phòng luật sư Hoàng Giang, thuộc đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn:

1. Ông Phan Văn L, sinh năm: 1967;

Địa chỉ: Số 328, đường LĐH, khóm MT, phường MP, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở hiện nay: Số 395/3, đường ĐBP, khóm MT, phường MP, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông L: Luật sư Nguyễn Văn H-Chi nhánh Văn phòng Luật sư Kim Xuyên, thuộc đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ: Số 187, khóm BT2, thị trấn LV, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

2. Ông Huỳnh Việt T, sinh năm: 1968;

Địa chỉ: Số 93-95, đường NVT, phường 2, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm: 1967;

Địa chỉ: Số 328, đường LĐH, khóm MT, phường MP, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở hiện nay: Số 395/3, đường ĐBP, khóm MT, phường MP, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

2. Chị Nguyễn Thị Thanh T1

Địa chỉ: Số 93-95, đường NVT, phường 2, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

3. Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại Dịch vụ NH;

Trụ sở: Số 318, đường ĐBP, khóm MT, phường MP, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phan Văn L, chức vụ: Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật.

Địa chỉ: Số 328, đường LĐH, khóm MT, phường MP, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở hiện nay: Số 395/3, đường ĐBP, khóm MT, phường MP, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty TNHH Thương mại, Dịch vụ NH: Luật sư Nguyễn Văn H-Chi nhánh Văn phòng Luật sư Kim Xuyên, thuộc đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ: Số 187, khóm BT2, thị trấn LV, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Duy M là nguyên đơn. Ông Phan Văn L là bị đơn. Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại Dịch vụ NH là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Ông M, ông L, Luật sư G và Luật sư H có mặt tại phiên tòa. Bà H1, ông T, bà T1 vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Duy M trình bày:*

Vào tháng 01 năm 2007 (không nhớ ngày), ông L có hỏi ông M vay 100.000.000 đồng để mua máy tính cho Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại, Dịch vụ NH (gọi tắt là Công ty NH) về bán lại, vay không thời hạn, khi nào cần tiền thì ông M báo trước một tháng, lãi suất 1,5%/tháng, mỗi tháng trả lãi một lần. Ông M không giao tiền trực tiếp cho ông L, mà ngày 31/01/2007, ông L mua máy tính của công ty TNHH VH, khi công ty giao máy thì ông M trả tiền thay cho ông L 100.000.000 đồng. Từ khi vay tiền đến nay ông L đã trả được 15.000.000 đồng tiền lãi, tương ứng với 10 tháng. Ông M đã nhiều lần yêu cầu ông L trả tiền vốn, nhưng ông L chưa trả, năm 2015 ông M làm đơn tố cáo ông L chiếm đoạt tài sản tại cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Đồng Tháp. Do ông M không có tiền để lo chi phí và tạm ứng án phí và ông L bị tạm giam trong vụ án hình sự nên ông M không khởi kiện, nên đến ngày 28/11/2016 ông M mới khởi kiện. Khi cho vay không có làm biên nhận, nhưng tại “Bản tường trình”, ngày 10/9/2009 ông L gửi ông Phan Bá T2 Trưởng Công an thành phố CL, có nội dung ông L nhận tiền vay của ông M 100.000.000 đồng và khi ông M trả tiền cho Công ty VH, thì người nhận tiền là ông T3 có viết biên nhận.

Ông L vay tiền để cho Công ty NH làm vốn kinh doanh mua bán máy

tính nên Công ty NH cũng có trách nhiệm trong vụ án này, và ông L dùng tiền kinh doanh công ty sinh lời phục vụ sinh hoạt trong gia đình ông L, bà H1 là vợ ông L cũng phải có trách nhiệm trong số tiền vay này.

Nay ông M yêu cầu ông L, Công ty NH và bà H1 cùng liên đới trả số tiền vốn 100.000.000 đồng và tiền lãi tính đến nay là 136 tháng, với số tiền 102.000.000 đồng, trừ số tiền lãi đã trả 15.000.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 187.000.000 đồng.

Ông M rút yêu cầu khởi kiện đối với ông T và bà T1 trả số tiền vốn và lãi 100.375.000 đồng.

- Trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa bị đơn ông Phan Văn L trình bày:

Ông không có vay của ông M số tiền 100.000.000 đồng như trình bày của ông M. Trong năm 2008 và năm 2009 ông M có vay của ông 124.000.000 đồng, không trả nên ông L khởi kiện và đã được Tòa án nhân dân thành phố CL tuyên buộc ông M trả cho ông 124.000.000 đồng. Bản án đã có hiệu lực pháp luật, đang được cơ quan thi hành án huyện CL thụ lý giải quyết, đến nay ông M vẫn chưa thi hành.

Bảng tường trình ghi ngày 10/9/2009 gửi ông Phan Bá T2 Trưởng Công an thành phố CL, là do ông với tư cách là giám đốc Công ty NH cùng với ông M lập ra, mặc nhận có vay của ông M 100.000.000 đồng để làm căn cứ yêu cầu ông Huỳnh Việt T trả nợ, chứ ông không có vay tiền của ông M.

Tại phiên tòa ông không đồng ý trả số tiền vốn và lãi theo yêu cầu của ông M.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại dịch vụ NH (Công ty NH) có ông Phan Văn L đại diện trình bày:

Cuối năm 2008, ông M có góp vốn vào Công ty NH từ 80.000.000 đến 100.000.000 đồng, nhưng sau đó 02 đến 03 tháng ông M đã rút vốn ra, khi rút tiền có ghi vào biên nhận. Năm 2009, khi Công ty NH khởi kiện ông M yêu cầu trả số tiền vay 124.000.000 đồng, ông M có làm đơn yêu cầu phản tố, nhưng sau đó ông L xuất trình biên nhận góp vốn thể hiện đã trả vốn rồi, nên ông M đã rút đơn.

Trong năm 2010 và 2011, ông M có vay của Công ty NH 106.000.000 đồng, Công ty khởi kiện và được Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm tuyên buộc ông M trả cho Công ty NH 106.000.000 đồng. Bản án đã có hiệu lực pháp luật thi hành, đã được cơ quan thi hành án huyện CL thụ lý giải quyết, đến nay ông M vẫn chưa thi hành.

Bảng tường trình, ghi ngày 10/9/2009 gửi ông Phan Bá T2 Trưởng Công an thành phố CL, là do ông L với tư cách là giám đốc công ty NH lập mặc nhận có vay của ông M 100.000.000 đồng, nhằm mục đích yêu cầu Cửa hàng máy tính NM (do ông Huỳnh Việt T làm chủ) trả tiền 62 máy tính, khoảng 89.000.000 đồng mà Công ty NH đã bán chưa thanh toán, và cửa hàng máy tính NM quyết toán chia lãi mà ba bên hợp tác kinh doanh gồm ông L cùng ông M và Cửa hàng máy tính NM. Trong đó Công ty NH góp vốn 62 máy tính, khoảng 89.000.000 đồng, Công ty CPMT NM góp 50.000.000 đồng, ông M không có góp vốn, chỉ phụ trách các cuộc hội thảo. Sau khi tổng kết bán được 500 máy tính, ông T yêu cầu ông M góp vốn nhưng, ông M không góp nên ông T không đồng ý quyết toán chia lãi. Do đó ông L và ông M có Bảng tường trình ghi ngày 10/9/2009 gửi ông Phan Bá T2 yêu cầu giải quyết.

Ngày 31/01/2007, ông L đại diện Công ty NH mua máy tính của công ty TNHH VH, ông L gửi máy tính tại nhà kho của ông M, nên trước khi giao máy, ông L có lấy tiền của Công ty NH đưa cho ông M nhờ trả cho công ty VH số tiền 100.000.000 đồng. Sau khi Công ty NH nhận máy đã làm thủ tục tài chính xong, do thời gian đã lâu không còn lưu giữ phiếu thu, chi nên ông L không có chứng cứ chứng minh việc ông L đưa tiền cho ông M.

Nay ông L đại diện Công ty NH không đồng ý liên đới trả tiền vay theo yêu cầu của ông M.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Bà không có vay tiền của ông M, nên bà không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của ông M.

- Đồng bị đơn Huỳnh Việt T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Thanh T1 không có văn bản ý kiến.

Tại Quyết định bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2018/DS-ST ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố CL đã xử:

- Đình chỉ phần yêu cầu của ông Nguyễn Duy M, yêu cầu ông Huỳnh Việt T và bà Nguyễn Thị Thanh T1 trả số tiền vốn và lãi 100.375.000 đồng.

- Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Duy M, yêu cầu ông Phan Văn L cùng liên đới với Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ NH trả số tiền vốn và lãi là 107.000.000 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Duy M yêu cầu bà Nguyễn Thị H cùng liên đới trả số tiền vốn và lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Duy M phải chịu là 4.000.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.693.000 đồng theo biên lai số 08148, ngày 25/11/2016 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố CL, ông M được nhận lại tiền chênh lệch là 693.000 đồng.

Ông Phan Văn L và Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ NH phải liên đới chịu 5.350.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 01 tháng 8 năm 2018 ông Phan Văn L, Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ NH kháng cáo không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 02 tháng 8 năm 2018 ông Nguyễn Duy M kháng cáo yêu cầu tính lãi đối với số tiền 100.000.000 đồng từ ngày 31/01/2007.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo ông Nguyễn Duy M vào khoản tháng 01 năm 2007 có cho ông Phan Văn L vay số tiền 100.000.000 đồng, để mua máy tính cho Công ty

trách nhiệm Hữu hạn thương mại dịch vụ NH (gọi Công ty NH) bán lại, vay không kỳ hạn, lãi suất 1,5%/tháng, khi vay không có làm giấy tờ, trong quá trình vay ông L và Công ty NH có đóng lãi được 15.000.000 đồng ngưng cho đến nay, nên ông M yêu cầu ông L, Công ty NH và bà H trả vốn, lãi là 187.000.000 đồng. Ông Phan Văn L và ông L người đại diện theo pháp luật của Công ty NH không thừa nhận là có vay tiền của ông M, nên không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của ông M.

Xét thấy, mặc dù việc ông M cho ông L vay tiền, không có làm giấy tờ, nhưng theo ông M là ông M có trả tiền cho Công ty VH thay cho ông L số tiền 100.000.000 đồng do ông T3 nhận. Ông L thừa nhận là ông T3 đại diện Công ty VH có nhận của ông M 100.000.000 đồng, số tiền 100.000.000 đồng là do ông L đưa cho ông M trả tiền thay ông L, nhưng ông L không có chứng cứ việc ông đưa tiền cho ông M trả nợ thay.

Mặt khác, theo bản tường trình ngày 10/9/2009 của ông L gửi cho ông Phan Bá T2, Trưởng Công an thành phố CL có nội dung: Vào tháng 12 năm 2006 Tôi (L) có quan hệ với ông T3 Công ty VH và biết được ông T3 có quan hệ với Công ty Cổ phần giáo dục và Công nghệ thành phố thông minh chuyên bán máy eZ-talk hỗ trợ dạy và học tiếng Anh, thông qua ông T3 tôi bàn với ông M cùng nhau hợp tác mua máy eZ-talk về bán lại trên thị trường tỉnh Đồng Tháp, do ban đầu thiếu vốn nên chúng tôi thỏa thuận nhờ ông M vay ngoài 100.000.000 đồng để mua máy và cùng chịu trách nhiệm về khoản tiền vay (bút lục 43)...nhưng ông L không thừa nhận mà cho rằng bản tường trình là do ông M soạn thảo và ông mặc nhận, để yêu cầu Cửa hàng máy tính NM trả nợ tiền mua máy eZ-talk. Xét thấy, lời trình bày của ông L là không có căn cứ, bởi vì Bản tường trình là do ông L ký tên và đóng dấu với tư cách là Giám đốc Công ty NH và ông L cũng không có chứng cứ chứng minh là ông mặc nhận số tiền vay 100.000.000 đồng của ông M.

Như vậy, có đủ cơ sở xác định ông L là người vay tiền của ông M, nên việc ông L và Công ty NH kháng cáo là không có căn cứ.

[2] Xét kháng cáo của ông M yêu cầu ông L và Công ty NH trả tiền lãi từ tháng 02 năm 2007 cho đến khi xét xử sơ thẩm theo lãi suất 1,5%/tháng.

Xét thấy, ông M trình bày cho ông L vay 100.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng, ông L có đóng lãi được 15.000.000 đồng. Ông L không thừa

nhận có vay tiền của ông M, nhưng qua các chứng cứ xác định là ông L có vay tiền của ông M bằng việc ông M trả nợ cho Công ty VH thay ông L, nhưng ông M không có chứng cứ chứng minh là việc vay tiền các bên thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng. Đối với việc ông M khai ông L có đóng lãi được số tiền 15.000.000 đồng là do ông M tự thừa nhận, chứ ông M cũng không có chứng cứ chứng minh, đây là hướng có lợi cho ông L và Công ty NH, nên xác định việc ông M cho ông L vay không lãi. Vì vậy, án sơ thẩm tính lãi số tiền vay từ khi ông M yêu cầu Cơ quan điều tra xem xét số tiền mà ông M cho ông L vay và buộc ông L trả nợ từ tháng 12 năm 2015 theo mức lãi suất 0,75%/tháng là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông M.

[3] Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông M trình bày nội dung vụ án cho rằng ông M trả nợ thay cho ông L vay từ ngày 31/01/2007, nhưng án sơ thẩm tính lãi từ tháng 12 năm 2015 gây thiệt hại cho ông M và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông M. Xét thấy, cũng như phần nhận định trên, ông M không chứng minh được việc cho ông L vay có lãi, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của Luật sư.

[4] Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông L và Công ty NH trình bày nội dung vụ án xác định là ông L không có vay tiền của ông M, bản tường trình ngày 10/9/2009 là do ông M soạn thảo để ông L yêu cầu Cửa hàng Máy tính NM trả nợ, còn biên nhận của ông T3 đại diện cho Công ty VH có nhận của ông M 100.000.000 đồng là do ông L đưa tiền ông M trả nợ thay, biên nhận là do ông T3 nhận tiền của ông L chứ không phải nhận tiền của ông M và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông L và Công ty NH. Xét thấy, cũng như phần nhận định trên, đề nghị của Luật sư là không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của Luật sư.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát Tỉnh, phát biểu việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng chấp hành tốt quy định của pháp luật và đề xuất hướng giải quyết là không chấp nhận kháng cáo của ông M, ông L và Công ty NH, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xét thấy, cũng như phần nhận định trên đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông M, ông L và Công ty NH giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm, nên ông M, ông L và Công ty NH phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 148; Khoản 1, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, 474, 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Duy M.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Văn L và Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại Dịch vụ NH.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2018/DS-ST ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố CL.

- Đình chỉ yêu cầu của ông Nguyễn Duy M, về việc yêu cầu ông Huỳnh Việt T và bà Nguyễn Thị Thanh T1 trả số tiền vốn và lãi 100.375.000 đồng.

- Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Duy M, yêu cầu ông Phan Văn L cùng liên đới với Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ NH trả số tiền vốn và lãi là 107.000.000 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Duy M yêu cầu bà Nguyễn Thị H1 cùng liên đới trả số tiền vốn và lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, mà người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền chưa thi hành, tại thời điểm thi hành án

cho đến khi thi hành án xong.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Duy M phải chịu là 4.000.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.693.000 đồng theo biên lai số 08148, ngày 25/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố CL, ông M được nhận lại tiền chênh lệch là 693.000 đồng.

Ông Phan Văn L và Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ NH phải liên đới chịu 5.350.000 đồng.

Ông Nguyễn Duy M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm của ông M theo biên lai số 0002181 ngày 07/8/2018 là 300.000 đồng, được trừ vào tiền án phí.

Ông Phan Văn L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm của ông L theo biên lai số 0002171 ngày 06/8/2018 là 300.000 đồng, được trừ vào tiền án phí.

Công ty NH phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm của Công ty NH theo biên lai số 0002170 ngày 06/8/2018 là 300.000 đồng (do ông L nộp thay), được trừ vào tiền án phí.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh;
- TAND thành phố CL;
- CCTHADS thành phố CL;
- Phòng KTNV-THA TA tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án (L).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Tấn Tặng

